



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG NĂM 2024

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CĐ KT CAO THẮNG	3
1. Thông tin chung	3
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường	3
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	14
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường	16
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	17
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG CĐ KT CAO THẮNG	21
1. Tổng quan chung.....	21
2. Tự đánh giá.....	22
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	22
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	35
2.2.1. Tiêu chí 1:.....	35
2.2.2. Tiêu chí 2:.....	48
2.2.3. Tiêu chí 3:.....	53
2.2.4. Tiêu chí 4:.....	86
2.2.5. Tiêu chí 5:.....	101
2.2.6. Tiêu chí 6:.....	121
2.2.7. Tiêu chí 7:.....	128
2.2.8. Tiêu chí 8:.....	134
2.2.9. Tiêu chí 9:.....	142
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	150
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	152
PHỤ LỤC	153

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ABET	: Accreditation Board for Engineering and Technology
ASU	: Arizona State University
BM	: Bộ môn
CB-VC	: Cán bộ viên chức
CĐ	: Cao đẳng
CĐCS	: Công đoàn cơ sở
CĐKT	: Cao đẳng kỹ thuật
CTCT	: Công tác chính trị
CTĐT	: Chương trình đào tạo
GDNN	: Giáo dục nghề nghiệp
HC-QT	: Hành chính - Quản trị
HEEAP	: Higher Education Engineering Program
HSSV	: Học sinh sinh viên
IAB	: Innovation Advisory Board
KTX	: Ký túc xá
LĐTBXH	: Lao động thương binh xã hội
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
THPT	: Trung học phổ thông
VULII	: Vocational and University Leadership and Innovation Institute

NỘI DUNG CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CĐ KT CAO THẮNG

1. Thông tin chung

Tên trường: Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng

Tên tiếng Anh: Cao Thang Technical College

Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập: 1906
- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng: 2004

Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập

Thông tin liên hệ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Số điện thoại: (028) 38212868 – (028) 38212360
- Số fax: (028) 38215951
- Email: ktcaothang@caothang.edu.vn
- Website: <http://caothang.edu.vn>

Thông tin liên hệ của người phụ trách công tác kiểm định, đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Họ tên: Trần Việt Dũng
- Chức vụ: Trưởng phòng Đào tạo
- Số điện thoại: 0983074970
- Email: tranvietdung@caothang.edu.vn

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

2.1 Về quá trình hình thành và phát triển:

2.1.1 Đặc điểm tình hình:

+ Giai đoạn từ 1906-1975:

Trường Kỹ thuật Cao Thắng lúc mới thành lập có tên là Trường Cơ khí Á Châu (L'école des Mécaniciens Asiatiques), tên quen gọi là Trường Bá Nghệ, là một trong những trường dạy nghề đầu tiên ở Nam Bộ, được toàn quyền Đông Dương ra quyết

định thành lập ngày 20/2/1906 nhằm “*đào tạo cho nhu cầu hàng hải thương thuyền cho nền cai trị thuộc địa và kỹ nghệ địa phương, một đội ngũ thợ cơ khí vững tay nghề về máy móc sử dụng trên tàu và trên đất liền*”.

Thực dân Pháp xây dựng Trường nhằm đáp ứng yêu cầu của bộ máy thuộc địa và các xí nghiệp của người Pháp, nhưng cũng chính nơi đây đã sản sinh ra những chiến sĩ cách mạng. Người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành trước khi lên tàu L'Amiral Latouche Tréville rời Bến Nhà Rồng đi tìm đường cứu nước năm 1911, đã theo học tại trường 3 tháng. Ngày 20 tháng 4 năm 1919, người thợ cơ khí tàu biển Tôn Đức Thắng, học sinh trường khóa 1915-1917, đã kéo lá cờ phản chiến trên chiến hạm France thuộc hạm đội Pháp ở biển Hắc Hải ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga. Chính bác Tôn Đức Thắng là người lập Công hội ở trường, ở xưởng Ba Son và tại Sài Gòn, sau này đã kế tục Bác Hồ trong cương vị Chủ tịch nước.

Năm 1932, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên được thành lập tại trường (Bí thư chi bộ là học sinh Trần Hữu Tám). Học sinh Cao Thắng hoạt động mạnh trong phong trào Mặt trận Dân chủ (1936-1939), Câu lạc bộ Học sinh (1939-1940). Đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa (1940), học sinh Cao Thắng đã rèn vũ khí phục vụ cho chiến đấu. Những học sinh tiêu biểu cho giai đoạn sôi động nói trên như: Lê Văn Lương, Ka Hiêm, Nguyễn Văn Hiền, Tạ Văn Hảo, Trần Hữu Tám, Hồ Tố Nguyên, Nguyễn Văn Đột... Tiếp theo tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong, đỉnh cao là tham gia cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Từ năm 1954 đến năm 1975: Đào tạo gồm hai ban chuyên nghiệp và kỹ thuật toán. Ban chuyên nghiệp với nhiều nghề như điện, nguội, cơ khí và mộc. Ban kỹ thuật toán tốt nghiệp tương đương Tú tài phần 2 phổ thông với chuyên nghiệp cơ khí và điện.

+ Giai đoạn 1976-2005:

Trong giai đoạn mới, Trường đã vượt qua nhiều khó khăn, đào tạo hàng vạn học sinh Trung học chuyên nghiệp và Công nhân kỹ thuật, Chuyên viên kỹ thuật cao lành nghề. Trường được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý. Các thế hệ học sinh đã tiếp tục kế thừa, phát huy truyền thống yêu nước và phẩm chất của lớp đàn anh “thợ cơ khí”, “kỹ thuật viên”, “tú tài kỹ thuật” trước đây, đạt nhiều kết quả tốt đẹp trong học tập và rèn luyện, trở thành “nguồn năng lượng xanh” đóng góp tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tháng 10/2004, Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng theo Quyết định số 6034/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 19/10/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Giai đoạn 2006 đến nay:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng đã đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Dự án đầu tư xây dựng nhà lớp học đa năng đã đưa vào sử dụng. Chất lượng đào tạo của Trường ngày càng được nâng cao, quy mô đào tạo phát triển, ổn định.

Công tác tuyển sinh và chất lượng đào tạo được giữ vững nhiều năm qua. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng sư phạm tốt, nhiều cán bộ, giảng viên được tập huấn ở nước ngoài về kỹ năng quản lý, nghiệp vụ sư phạm ... trong khuôn khổ các dự án hợp tác quốc tế. Chương trình, giáo trình thường xuyên được cập nhật, cải tiến để sát với thực tế. Trường xác lập và duy trì được mối quan hệ mật thiết, gắn kết với các doanh nghiệp nhằm lắng nghe các ý kiến để hoàn thiện công tác đào tạo của trường, mặt khác, một số HSSV được hưởng lợi từ các dự án tài trợ của doanh nghiệp, trong đó có những công ty tầm cỡ giới như Công ty Intel, Công ty thang máy Schindler,... Hai chương trình đào tạo đã được kiểm định đạt chuẩn quốc tế là Công nghệ Kỹ thuật Cơ Khí, Công nghệ Kỹ thuật Điện-Điện tử. Chiến lược phát triển về đào tạo của Trường là luôn hoàn thiện và phát triển theo hướng tiếp cận xu thế giáo dục nghề nghiệp hiện đại của khu vực và thế giới.

2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ được giao:

Trường là nơi đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực Cơ khí, Cơ khí động lực, Điện Công nghiệp, Điện Dân dụng, Điện tử Công nghiệp, Điện tử Dân dụng, Điện tử Viễn thông, Công nghệ Thông tin, Tự Động hóa, Công nghệ Nhiệt-Lạnh, Cơ Điện tử và Kế toán, đáp ứng nhu cầu nhân lực về chất lượng cao trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp, các tổ chức kinh tế và xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam;

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, triển khai nghiên cứu khoa học; phát triển và chuyển giao công nghệ, thực hiện các loại hình dịch vụ khoa học, công nghệ và sản xuất; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Thực hiện các quan hệ hợp tác quốc tế, liên kết, liên thông về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Quản lý tổ chức, biên chế đội ngũ giảng viên của trường theo quy định của Nhà nước; đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề; đảm bảo về chất lượng đào tạo thực tế và thu chi tài chính hàng năm của trường.

Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, tài sản, các nguồn vốn được Nhà nước giao. Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở trong Trường, bảo vệ tài sản, bí mật quốc gia, xây dựng Trường, thực hiện các quy chế, biện pháp bảo hộ, an toàn lao động. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo chế độ quy định và yêu cầu của Bộ Công Thương.

2.2 Về thành tích nổi bật của Trường:

2.2.1 Công tác đào tạo:

Trong nhiều năm qua, Nhà trường luôn giữ được ổn định, phát triển một cách vững chắc cả về số lượng lẫn chất lượng đào tạo.

Được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ cuối năm 2004, nhà trường bắt đầu tuyển sinh và đào tạo trình độ Cao đẳng từ năm 2005, ban đầu với 06 ngành (Cơ khí, Ô tô, Điện, Điện tử, Điện lạnh, Tin học), quy mô tuyển sinh vào thời điểm này là 400; trình độ Trung cấp chuyên nghiệp với 07 ngành, quy mô tuyển sinh là 2.000; trình độ Cao đẳng nghề (tuyển sinh từ năm 2007) qui mô là 1.500. Đến nay, năm 2024 quy mô tuyển sinh trình độ Cao đẳng (không phân biệt cao đẳng chuyên nghiệp hay cao đẳng nghề) tuyển với chỉ tiêu 4.500; Tất cả các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng tại trường đều có chất lượng được xã hội tín nhiệm trong nhiều năm qua.

Trường đã triển khai kế hoạch đào tạo theo định hướng bám sát các mục tiêu chiến lược hoạch định theo chương trình HEEAP (Higher Engineering Education Alliance Program) giai đoạn 2013 - 2018 và giai đoạn 2019 – 2024. Nhà trường định hướng quy trình cụ thể trong đào tạo chất lượng cao, cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực kỹ thuật chuyên nghiệp đủ năng lực ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất một cách khoa học, hiệu quả; hướng đến các tiêu chí kiểm định theo ABET (Hoa kỳ).

- Về tuyển sinh:

Là một trong những hoạt động quan trọng nhất của nhà trường, công tác tuyển sinh luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ Ban Giám hiệu. Công tác tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, đúng qui trình và qui định với mục tiêu đạt được chất lượng và số lượng đầu vào.

Hoạt động tư vấn và tuyên truyền tuyển sinh của trường hàng năm được kết hợp với các báo như Tuổi trẻ, Giáo dục Tp.HCM và các trường Trung học phổ thông tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam. Công tác chuẩn bị, tổ chức xét tuyển, gọi HSSV nhập học, và công tác thanh tra tuyển sinh . . . được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, qui trình và qui định.

- Chất lượng đào tạo:

Nhà trường đã từng bước đổi mới hình thức lên lớp và phương pháp học tập của HSSV trong toàn trường. Học phần Anh văn chuyên ngành từng bước được giảng dạy bằng tiếng Anh do các Bộ môn chuyên môn phụ trách. Mặc dù đây chỉ là những bước đầu tiên trong cố gắng nâng dần trình độ sử dụng ngoại ngữ của giảng viên và HSSV, kết quả mang lại cho thấy khả năng tìm tài liệu trong học tập và tìm việc làm ở các công ty liên doanh, công ty đa quốc gia được nâng lên rõ rệt. Những học phần chuyên môn được nhà trường lưu ý các bộ môn việc tổ chức tiết giảng theo hình thức tích cực hóa người học và nâng cao tính chất thực hành. Cách tổ chức tiết học như thế này là rất có ích trong việc hình thành năng lực chuyên môn cho người học thay vì họ chỉ có được những hiểu biết suông. Bên cạnh những thay đổi trên, 100% HSSV phải thi tốt nghiệp dưới dạng đồ án công nghệ hoặc thiết kế, chế tạo mô hình học cụ, thiết bị mang tính thực tiễn cao. Thực hiện đề tài tốt nghiệp đã buộc HSSV phải tự thân nghiên cứu, thiết kế, sáng tạo trong chế tạo, làm cho quá trình thực hiện bài thi tốt nghiệp trở thành

hoạt động học tập hiệu quả, hữu ích đối với người học trong chương trình đào tạo và sản phẩm làm ra từ bài thi tốt nghiệp mang giá trị thực tế.

Nhà trường tiếp tục tăng cường kiểm tra các kỳ thi học kỳ, thi tốt nghiệp, tổ chức thi đồng bộ, nhiều đề đối với các học phần chung của ngành, nghề và học phần chung của nhiều ngành, nghề tạo điều kiện đánh giá chính xác chất lượng giảng dạy, học tập.

Ghi chú: (*) Sinh viên trình độ cao đẳng nghề từ khóa 2016 trở về trước tốt nghiệp trong năm 2018.

HSSV ra trường đều có việc làm ngay. Đặc biệt, nhiều ngành nghề có nhiều công ty xí nghiệp thường xuyên yêu cầu tuyển nhưng trường không đủ HSSV để cung cấp như các ngành, nghề Cơ khí, Ô tô, Điện lạnh, Điện tử, Điện CN, v.v... Bên cạnh việc đào tạo chính quy, trường đã mở nhiều loại hình đào tạo khác như: Đào tạo theo đơn đặt hàng của các công ty nước ngoài, sinh viên ra trường có việc làm ngay ...

- Chương trình đào tạo:

Bám sát các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, nhà trường tập trung phát triển tất cả các chương trình đào tạo hiện hành của trường tiếp cận CDIO. Tháng 10/2018, nhà trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng đối với hai chương trình đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí và Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử do tổ chức ABET – Hoa kỳ công nhận. Hiện tại, Nhà trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng 4 chương trình đào tạo do tổ chức ABET – Hoa kỳ công nhận. Trong đó 2 chương trình tái kiểm định là: Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử và 2 ngành kiểm định mới là: Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt – Lạnh.

Xây dựng chương trình, giáo trình là một trong những công tác quan trọng của mục tiêu “Phát triển cơ sở vật chất”, là một trong hai mục tiêu trọng tâm thuộc Kế hoạch chiến lược của trường. Chương trình, giáo trình của trường được thực hiện theo định hướng hình thành năng lực giải quyết vấn đề với 90% giáo trình biên soạn mới theo hoạt động thực tiễn của người học.

Hiện nay, trường đang đào tạo theo học chế tín chỉ. Song song đó, chương trình phần mềm quản lý đào tạo do đội ngũ cán bộ giảng viên của trường phát triển để quản lý, điều hành theo cơ chế hệ tín chỉ là thông suốt.

Chương trình đào tạo nhằm gắn đào tạo với thực tế sản xuất. Nhà trường đã tạo điều kiện để 100% HSSV của trường được tham quan, thực tập sản xuất tại doanh nghiệp sau khi hoàn tất khối lượng kiến thức cơ sở, chuyên môn, và kỹ năng nghề nghiệp theo chương trình đào tạo tại trường. Thực tập tại doanh nghiệp giúp người học củng cố kiến thức, trải nghiệm nghề nghiệp, rèn luyện tác phong công nghiệp, và là cơ hội để tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Dự án hợp tác đào tạo cung cấp nguồn nhân lực cho công ty thang máy Schindler. Chương trình đào tạo theo hình thức này giúp sinh viên có được kinh

nghiệm thực tế ngay trong quá trình đào tạo và làm việc ngay cho công ty Jardine Schindler Việt Nam với vị trí là Kỹ thuật viên.

2.2.2 Phát triển đội ngũ Giảng viên:

Đây là mục tiêu chiến lược của nhà trường. Trong nhiều năm qua, Trường liên tục phát triển đội ngũ giảng viên để từng bước đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng. Nhìn chung, hiện nay nhà trường đã cơ bản đủ số lượng đội ngũ giảng viên, đạt vượt chuẩn trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm và được thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt công tác giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học; Trường đang từng bước tiệm cận mục tiêu của chiến lược phát triển đội ngũ nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, giữ vững, nâng cao chất lượng đào tạo, Trường có kế hoạch trình Bộ Công Thương để liên tục tuyển dụng giảng viên có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu và tương xứng với quy mô đào tạo các ngành/nghề. Bên cạnh đó, Trường, Khoa và Bộ môn chuyên ngành cũng rất chú trọng việc bồi dưỡng, xây dựng lực lượng giảng viên trẻ. Trong nhiều năm nay, nhà trường đã thực hiện nhiều chế độ, chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ giảng viên của trường học tập nâng cao trình độ qua các khóa học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như các kỹ năng về Tin.

Về biện pháp thực hiện, nhà trường đã đề ra nhiều hình thức động viên, khuyến khích viên chức, đặc biệt là giảng viên, phấn đấu đạt tiêu chuẩn chức danh và nâng cao trình độ. Trường tiếp tục có chế độ hỗ trợ 100% học phí cho người học tiến sĩ, thạc sĩ. Cán bộ viên chức có trình độ từ thạc sĩ trở lên được nhận thêm khoản phụ cấp nghiên cứu khoa học hàng tháng.

Danh sách cán bộ quản lý trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
1	Lê Đình Kha	Hiệu trưởng	Giám hiệu	P. Bí thư Đảng Ủy
2	Trương Quang rung	Phó Hiệu trưởng	Giám hiệu	Bí thư Đảng Ủy
3	Tổng Thanh Nhân	Phó Hiệu trưởng	Giám hiệu	Chủ tịch CĐ
4	Trần Việt Dũng	Trưởng phòng	P.Đào tạo	
5	Nguyễn Văn Vũ	Trưởng phòng	P.HCQT	
6	Nguyễn Thanh An	P.Trưởng phòng	P.HCQT	
7	Vũ Đình Kết	Trưởng phòng	P.TCKT	
8	Phạm Văn Thành	Trưởng phòng	P.KHCN	
9	Ngô Thị Thanh Bình	P.Trưởng phòng	P.KHCN	

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị	Ghi chú
10	Nguyễn Thanh Hiệp	P.Trưởng phòng	P.CTCT-HSSV	
11	Nguyễn Quốc Văn	Trưởng khoa	K.Cơ khí	
12	Võ Tùng Linh	P.Trưởng khoa	K.Cơ khí	
13	Nguyễn Ngọc Thanh	Trưởng khoa	K.CKĐL	
14	Phạm Văn Thành	Trưởng khoa	K.Đ-ĐT	
15	Đỗ Chí Phi	P.Trưởng khoa	K.Đ-ĐT	
16	Đặng Đắc Chi	P.Trưởng khoa	K.Đ-ĐT	
17	Lê Quang Huy	Trưởng khoa	K.CN N-L	
18	Nguyễn Vũ Dzũng	Trưởng khoa	K.CNTT	
19	Nguyễn Bá Phúc	P.Trưởng khoa	K.CNTT	
20	Phạm Đình Huân	Trưởng khoa	K.GDĐC	
21	Nguyễn Khánh Toàn	Trưởng BM	BM Kinh tế	Trực thuộc GH

2.2.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

- Hoạt động Khoa học Công nghệ:

Nhà trường luôn coi trọng công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ. Nhiều năm, Trường bắt đầu thực hiện phong trào thi mô hình học cụ tự chế hàng năm nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nâng cao kỹ năng thực hành ứng dụng KHCN trong GV và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Qua đó, nghiên cứu khoa học đã trở thành phong trào nghiên cứu rộng rãi trong toàn trường.

Các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, đề tài cấp trường dưới dạng mô hình, thiết bị (có bộ bài tập đi kèm) phục vụ giảng dạy và học tập tại trường một cách hiệu quả như:

Đề tài ứng dụng tin học phục vụ cho công tác quản lý nhà trường, gồm: Phần mềm quản lý đào tạo (áp dụng cho tín chỉ), Phần mềm quản lý điểm, Phần mềm quản lý thu-chi, Phần mềm quản lý HSSV ... Phần mềm đánh giá phương pháp giảng dạy của giáo viên đã được áp dụng trong trường.

Đề tài phục vụ giảng dạy như Thiết bị thực tập kỹ thuật cảm biến, Thiết bị lưu kho tự động, Thiết bị động cơ phun xăng điện tử Innova, Thiết bị đo lường điện - mạch điện 1 chiều, máy tiện CNC, máy phay CNC...

Đề tài nghiên cứu cấp bộ: Hàng năm có từ 1 đến 2 đề tài (công nghệ mạ tổ hợp Ni-TiO₂, Ni-SiC; Chế tạo hệ thống sản xuất nước mắm ứng dụng năng lượng mặt trời trong các công đoạn gia nhiệt...).

Ngoài các kết quả nêu trên, nhà trường đã tổ chức các phong trào trong HS-SV như Câu lạc bộ tiếng Anh, Hội thi kiến thức chuyên môn ngành Điện, Hội thi Robot...

nhằm tạo sân chơi sáng tạo khoa học, nâng cao kỹ năng mềm trong học sinh – sinh viên.

Có thể nói kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường đã và đang đi đúng hướng trong việc thực hiện mục tiêu, chiến lược của Trường đến năm 2019 về phát triển, nâng cao chất lượng giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

- Các hoạt động hợp tác quốc tế:

Dự án HEEAP – dự án khởi đầu

Từ năm 2010 trở về trước, trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng đã ký rất nhiều biên bản ghi nhớ với các tổ chức nước ngoài về việc hợp tác đào tạo. Tuy nhiên, cho đến trước tháng 10 năm 2010, hiệu quả từ hợp tác đào tạo không cao.

Tháng 10 năm 2010, trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng ký biên bản ghi nhớ với công ty Intel Việt nam, Đại học bang Arizona – Hoa Kỳ trong khuôn khổ dự án HEEAP (Higher Education Engineering Program – Chương trình liên minh giáo dục kỹ thuật bậc cao). Chương trình được tài trợ bởi cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID, trường Đại học Arizona (Mỹ) với các đối tác công nghiệp khác như National Instruments, Siemens, Cadence, Pearson, Danaher, Mekong Technologies, và Mediasite... nhằm bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho giảng viên.

Tháng 9 năm 2011, 07 giảng viên đầu tiên của Nhà trường được cử đi đào tạo tại Đại học bang Arizona (ASU) – Hoa Kỳ trong thời gian 4 tuần. Liên tục từ đó đến nay, nhà trường đã có tổng cộng 72 giảng viên đã từng được tham gia khóa tập huấn này tại ASU.

Sau khi được tập huấn tại trường đại học ASU - Mỹ, các nhóm giảng viên còn nhận được sự hỗ trợ về tài chính để thực hiện dự án của nhóm. Sự thay đổi đó góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo đồng thời giúp đỡ các giảng viên khác chưa tham dự chương trình đào tạo thay đổi phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy, sáng tạo. Bên cạnh hoạt động giảng dạy, các nhóm giảng viên HEEAP còn tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tổ chức trò chơi, các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ tiếng Anh, giúp sinh viên tự tin hơn trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ mà bên cạnh kiến thức, đòi hỏi sinh viên phải có kỹ năng làm việc nhóm, các kỹ năng mềm cần thiết khác.

Trong khuôn khổ của dự án HEEAP, Nhà trường cũng nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ phía công ty Intel như thỏa thuận tài trợ của công ty Intel Semiconductor (US Ltd.) về 40 board mạch vi xử lý Intel Galileo. Hàng năm, công ty hỗ trợ 20 suất học bổng tiếng Anh, mỗi suất trị giá 10 triệu; 15 suất học bổng nữ sinh, mỗi suất học bổng trị giá 6,5 triệu đồng.

Dự án VULII

Tiếp nối thành công của dự án HEEAP, năm 2013 nhà trường tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trong dự án VULII – Vocational and University Leadership and

Innovation Institute – đây là dự án mở rộng của dự án HEEAP. VULII là chương trình phát triển năng lực lãnh đạo cho các trường thành viên của dự án HEEAP.

Tận dụng lực lượng nòng cốt là các giảng viên đã tham gia dự án HEEAP – đây là lực lượng được khuyến khích để đổi mới. Việc dạy và học theo hướng tích cực, lấy sinh viên làm trung tâm trong tất cả mọi hoạt động. Các câu lạc bộ được hình thành, các cuộc thi học thuật được chú trọng, các chương trình trò chơi... Tất cả đều vì một mục tiêu: “thay đổi”.

Dự án hỗ trợ các cán bộ chủ chốt của khoa/bộ môn tập huấn về kiểm định chất lượng, cách thức xây dựng chương trình đào tạo, cách thức xây dựng chuẩn đầu ra sao cho đo lường được, cách thức viết mục tiêu của chương trình, hiểu được ý nghĩa của từng khái niệm: mục tiêu, chuẩn đầu ra. Hiệu quả của chương trình góp phần giúp cho cán bộ giảng viên khi dạy không còn chỉ như là một “cái máy”.

Từ việc chưa biết viết mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra, đến nay tất cả các ngành, nghề đào tạo đều đã lập được mục tiêu, thiết lập chuẩn đầu ra cho sinh viên trên cơ sở “cân đong đo đếm” được. Tất cả các giảng viên giảng dạy đều phải biết đến mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra của ngành, các môn học do mình phụ trách cũng phải đạt được chuẩn đầu ra và hỗ trợ chuẩn đầu ra nào, mục tiêu nào của ngành. Tất cả các chương trình đào tạo đã được viết lại theo cách tiếp cận CDIO. Trách nhiệm của giáo viên với bài giảng đã thay đổi.

Ngoài sinh hoạt chuyên môn, các buổi thảo luận về nghiệp vụ ở cấp khoa, bộ môn như xây dựng chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO, tham khảo ý kiến của doanh nghiệp, dạy thế nào để đạt chuẩn đầu ra, cách thức tổ chức đánh giá trong hội giảng cũng thay đổi theo.

Sự hài lòng của HSSV với giảng viên và phòng chức năng tốt hơn qua việc nhận xét của HSSV với CB-GV-VC.

Năm 2024, nhà trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng đối với bốn chương trình đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô và Công nghệ kỹ thuật Nhiệt do tổ chức ABET – Hoa kỳ công nhận.

Chương trình liên kết đào tạo

Tháng 3 năm 2014, Nhà trường ký hợp đồng liên kết đào tạo với công ty công ty thang máy Schindler nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho công ty thang máy Schindler. Trong năm đầu tiên, tất cả sinh viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng sẽ hoàn thành các môn học đại cương bắt buộc. Vào cuối năm, các sinh viên sẽ tham gia một đợt thi tuyển và Jardine Schindler sẽ lựa chọn 20 sinh viên đạt kết quả cao nhất cho chương trình đào tạo liên kết kéo dài 3 năm (bắt đầu vào tháng 06/2014 và kết thúc vào tháng 04/2017). Các sinh viên sẽ trải qua chương trình đào tạo song song trong 2 năm (50% tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng và 50% tại Jardine Schindler Việt Nam) và 1 năm đào tạo chuyên sâu (toàn thời gian tại Shindler Việt Nam). Đến nay, đã có một khóa sinh viên tốt nghiệp tại trường theo hình thức đào tạo

này. Chương trình đào tạo theo hình thức này giúp HSSV có được kinh nghiệm thực tế ngay trong quá trình đào tạo. Nhờ vậy, sau khi tốt nghiệp các em hoàn toàn có đủ năng lực để làm việc cho Jardine Schindler Việt Nam với vị trí như Kỹ thuật viên lắp đặt hoặc Kỹ thuật viên dịch vụ.

Phía công ty thang máy Schindler đánh giá rất cao kiến thức cũng như tay nghề của các sinh viên, và cam kết sẽ tiếp tục ký hợp đồng liên kết đào tạo tiếp theo với trường CĐKT Cao Thắng.

Từ năm 2016, trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng nhận được sự hỗ trợ của các chuyên gia dự án JICA về các công tác: xây dựng sổ tay an toàn cho các xưởng thực hành; Thực hiện 5S trong toàn trường; Kết nối doanh nghiệp. Theo đó, việc thực hiện 5S mang lại hiệu quả rõ rệt, những vật dụng không cần dùng được thanh lý hoặc chờ thanh lý, tất cả máy móc, trang thiết bị thực tập được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và được thường xuyên lau chùi sạch sẽ. Thực hiện 5S đang đi vào nhận thức của từng giảng viên và CB-VC. Không chỉ dừng lại ở các xưởng thực hành, 5S còn được phổ biến và áp dụng cho toàn bộ sinh viên nhà trường và được thực hiện mọi lúc, mọi nơi.

Dự án mở rộng mô hình KOSEN – Nhật Bản, nằm trong khuôn khổ dự án JICA. Các chuyên gia về ngành Hàn của JICA cũng đã có những buổi tập huấn về kỹ thuật Hàn cũng như tập huấn về vật liệu cơ khí cho các giảng viên của Nhà trường. Vào tháng 10/2016, nhà trường sẽ có 4 giảng viên được tham dự khóa tập huấn về mô hình Kosen – tại đại học Ube – Kosen – Nhật Bản. Tháng 1/2020, nhà trường có 04 giảng viên tham gia giảng dạy và giao lưu học thuật về mô hình Kosen – tại đại học Ube – Kosen – Nhật bản.

2.3 Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo:

Trang bị cho các phòng thực tập thí nghiệm phải đáp ứng cho việc nghiên cứu và học tập của giảng viên và HSSV. Lãnh đạo Nhà trường luôn có kế hoạch trung hạn, dài hạn để trang bị được phòng thực tập hiện đại, đồng bộ trong đào tạo và phải đúng qui định tài chính Nhà nước như : phòng thực tập tiện CNC, thực tập điện ô tô, thực tập lạnh công nghiệp, lab đa phương tiện (multimedia lab) cho ngành tự động – điện tử và điện tử truyền thông, thực tập điều khiển lập trình Siemens S7-1200, phòng thí nghiệm vật lý, phòng thực tập điều khiển quá trình, thực tập vi điều khiển, máy vi tính, máy chiếu, các loại sách giáo khoa, tài liệu báo chí, tạp chí thư viện...Cụ thể, kinh phí mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ giảng dạy và học tập giai đoạn 2020-2024:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Nội dung/Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Mua sắm trang thiết bị đào tạo	18.100	25.000	25.000	22.858	17.327

2.4 Các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn công tác

Trên cơ sở Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của Cơ quan cấp trên, Bộ Công Thương, Hội đồng Thi đua Khen thưởng Nhà trường đã triển khai, hướng dẫn cụ thể việc tiến hành bình xét các danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; lao động tiên tiến; Tập thể lao động xuất sắc; Tập thể lao động tiên tiến; hướng dẫn quy trình đăng ký thi đua; kiểm tra, xét đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua. Các chỉ tiêu xếp loại đối với các đơn vị trong toàn Trường.

Ngoài ra, Trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể đặc biệt với Công đoàn, Đoàn thanh niên để triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động như: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Đồng thời, Trường đã xây dựng kế hoạch thi đua của năm học gắn với việc thực hiện nhiệm vụ như: “Thi đua dạy tốt, học tốt” nhằm mục đích đẩy mạnh dạy tốt trong giảng viên và học tốt rèn luyện tốt trong học sinh sinh viên, cán bộ công nhân viên làm việc đạt hiệu quả nâng cao công tác quản lý đào tạo. Hội giảng cấp trường được tổ chức hàng năm tại thời điểm sau hội giảng cấp Khoa, Bộ môn. Hội giảng chú ý đến phương pháp giảng dạy tích cực hoạt động học tập của người học và tăng hàm lượng thuật ngữ kỹ thuật tiếng Anh trong bài giảng; tăng những tiết giảng học phần công nghệ kỹ thuật bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

Phong trào thi đua “nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ” tiếp tục mang lại hiệu quả cao: đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, mô hình học cụ được đưa vào ứng dụng trong công tác giảng dạy, đề tài khoa học cấp Bộ và đề tài cấp thành phố. Ngoài ra, còn có nhiều mô hình khoa học tham dự giải thưởng EUREKA, Tổ chức chương trình "Thiết Kế Sáng Tạo" dành cho Doanh Nhân Trẻ Việt Nam dành cho Sinh viên đang theo học các ngành khoa học và kỹ thuật được tài trợ bởi Tập đoàn NATIONAL INSTRUMENTS được các bạn HSSV nhiệt tình tham gia, hăng say nghiên cứu phát huy sức trẻ, tinh thần nhiệt huyết, đam mê nghiên cứu của mình.

Nhà trường, thông qua Công đoàn trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động CB-GV-VC hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích cao trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo Chỉ thị 40 của Ban Bí thư, xây dựng đời sống văn hóa, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Phát động trong toàn thể CB-GV-CNV biên soạn chỉnh sửa giáo trình nội bộ, đề cương bài giảng, biên soạn và ban hành hệ thống các văn bản nghiệp vụ để nâng cao chất lượng đào tạo.

Hưởng ứng phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, trường thường xuyên tổ chức hội thi HSSV giỏi nghề cấp trường, tham gia thi giỏi nghề liên kết các trường trên địa bàn Thành phố và đạt thành tích cao. Trường đăng cai tổ chức các hội thi giỏi nghề cho Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh và Liên đoàn Lao động thành phố. Việc tổ chức thi học sinh giỏi nghề hàng năm được nhà trường tham gia (Thành đoàn Tp. HCM chủ trì) tổ chức tốt, nghiêm túc. Hội thi đã được tiến hành với sự góp mặt các trường Trung

cấp nghề, Trung cấp và Cao đẳng trên địa bàn Tp HCM. Trường CDKT Cao Thắng tham dự 6 nghề được tổ chức thi, bao gồm các nghề Điện công nghiệp, Điện tử, Thiết kế Website, Điện lạnh, Tiện, Ô tô, Kế toán, Cơ điện tử, Tự động hóa.

2.5 Công tác chăm lo đời sống cán bộ, viên chức:

Nhà trường đã phối hợp tốt với Công đoàn tập trung chăm lo đời sống, tinh thần, vật chất cho đội ngũ cán bộ, viên chức (đúng như quy chế chi tiêu nội bộ của Hội nghị CCVC hàng năm của trường). Hàng năm, nhằm động viên tinh thần làm việc đạt thành tích trong giảng dạy và công tác, Công đoàn trường đã tổ chức tham quan du lịch, giao lưu học hỏi trong nước và nước ngoài cho cán bộ công nhân viên đạt tiêu chuẩn xuất sắc.

Công tác y tế:

Nhằm đảm bảo sức khỏe cho toàn thể CB-VC và HSSV, hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, phát thuốc, sơ cấp cứu cho CB-VC và HSSV.

Công tác khám sức khỏe định kỳ cho CB-VC được thực hiện hàng năm. Ngoài ra, CB-VC trên 50 tuổi được nhà trường hỗ trợ khám chỉ định xét nghiệm tầm soát các bệnh tiểu đường, tim mạch, ung thư. Nhà trường động viên 100% giảng viên kiểm tra phổi định kỳ.

Đối với nữ CB-VC, nhà trường hỗ trợ khám phụ khoa định kỳ như siêu âm và chụp nhũ ảnh tầm soát ung thư vú, xét nghiệm và soi cổ tử cung tầm soát ung thư cổ tử cung.

Bên cạnh công tác mang tính chất định kỳ, bộ phận y tế còn tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề với nữ sinh viên về vấn đề sức khỏe và sinh sản; tuyên truyền cho CB-VC và HSSV trong việc phòng, chống các dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh sốt xuất huyết.

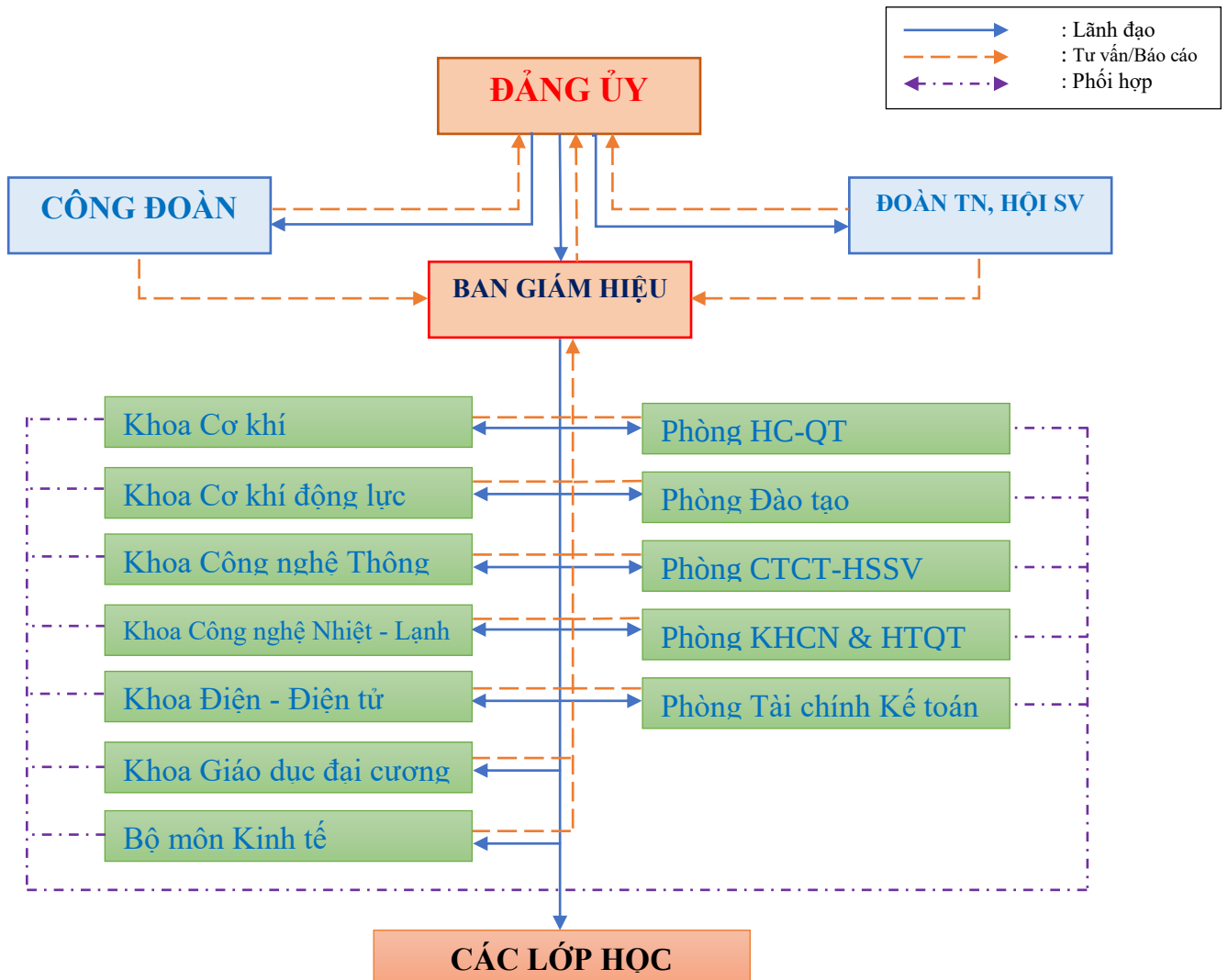
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

Bộ máy tổ chức hiện nay gồm: (*tính đến 11/2024*)

- Ban Giám hiệu
- Phòng Đào tạo
- Phòng Hành chính - Quản trị
- Phòng Tài chính - Kế toán
- Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế
- Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên
- Khoa Cơ khí

- Khoa Cơ khí động lực
- Khoa Điện - Điện tử
- Khoa Công nghệ Nhiệt - Lạnh
- Khoa Công nghệ thông tin
- Khoa Giáo dục đại cương
- Bộ môn Kinh tế (trực thuộc Giám hiệu).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG



4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng đào tạo 18 ngành, nghề trình độ cao đẳng cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh theo 19/2021 GCNĐKHKĐ-TCGDNN
1	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	6510303	Cao đẳng	600
2	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	6510312	Cao đẳng	150
3	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	6510201	Cao đẳng	400
4	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	6510202	Cao đẳng	400
5	Công nghệ Thông tin	6480201	Cao đẳng	360

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh theo 19/2021 GCNĐKHKĐ-TCGDNN
6	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	6510211	Cao đẳng	300
7	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	6510304	Cao đẳng	150
8	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	6510305	Cao đẳng	150
9	Kế toán	6340301	Cao đẳng	90
10	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng	150
11	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126	Cao đẳng	100
12	Hàn	6520123	Cao đẳng	50
13	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng	200
14	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng	300
15	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng	310
16	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng	180
17	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng	150
18	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Cao đẳng	90
19	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	90

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

- Về cơ sở vật chất:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng có một cơ sở duy nhất tọa lạc tại địa chỉ 65 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, khuôn viên Trường rộng trên 10.000 m², bốn mặt tiếp giáp với các đường Huỳnh Thúc Kháng, Pasteur, Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Hàm Nghi.

Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo là 38.000 m², trong đó có các khu vực phòng học lý thuyết, phòng thực hành, xưởng thực tập, phòng thí nghiệm, khu thể thao, khu căn tin, khu tự học, sân trường, khu để xe, thư viện. Phần cơ sở vật chất phục vụ công tác hành chính gồm các văn phòng Khoa, khu Hiệu bộ gồm hội trường, phòng họp, phòng hội thảo, phòng nghỉ giảng viên, phòng làm việc của phòng ban, phòng làm việc của Giám hiệu.

- Thư viện:

Với chức năng là một bộ phận phục vụ hoạt động đào tạo của nhà trường, nguồn lực thông tin của thư viện đóng một vai trò then chốt trong hoạt động học tập và nghiên cứu của tập thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, học sinh trong toàn nhà trường.

Nguồn lực thông tin trong thư viện bao gồm tài liệu in truyền thống, sách điện tử, tài liệu điện tử được chia sẻ trên mạng internet. Việc xây dựng chiến lược bổ sung tài liệu thư viện đóng một vai trò then chốt trong quá trình hoạt động của Thư viện.

Thư viện phục vụ theo hình thức kho mở. Kho được phân theo loại hình tài liệu: kho báo, kho tạp chí, kho sách tổng hợp, kho thuyết minh, kho đồ án, kho tài liệu tra cứu,... Việc quản lý thông qua phần mềm The Library information system version 7.0; Hệ thống tra cứu tài liệu bằng phục lục trực tuyến, có bản hướng dẫn cụ thể về khung phân loại DDC, bảng hướng dẫn truy cập vào cổng thông tin thư viện, mỗi kệ sách trong thư viện đều có bản chỉ dẫn tìm tài liệu theo môn loại.

Về nguồn lực thông tin, thư viện có đủ loại hình sách, báo, tạp chí, CD-ROM, nguồn tin điện tử, luận văn, luận án,... đáp ứng được chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học cho các ngành, nghề đào tạo trong trường. Theo số liệu thống kê số đầu sách, bản sách và tài liệu điện tử đến hết năm 2024 thư viện có hơn 70.000 tài liệu.

Nguồn tài liệu được bổ sung hàng năm chủ yếu có nội dung về Khoa học kỹ thuật chiếm đến 80% như: cơ khí, điện, điện lạnh, công nghệ thông tin, công nghệ ô tô, công nghệ tự động.... Bên cạnh đó, tài liệu lưu hành nội bộ (tài liệu nội sinh) đáp ứng đến 90% nhu cầu của học sinh sinh viên trong trường.

Với diện tích 2.500 m², Thư viện phục vụ liên tục từ 7h00 đến 18h00 các ngày trong tuần. Thư viện đảm bảo phục vụ tốt với nhu cầu nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên trong trường.

Công tác thư viện luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo kịp thời. Từ đó, thư viện luôn cải tiến và cập nhật thông tin đáp ứng yêu cầu của bạn đọc và nghiên cứu trong và ngoài trường.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và thư viện, từ năm 2023 đến nay, như sau:

TT	Tên công trình	Năm 2023		Năm 2024	
		SL	Diện tích xây dựng (m ²)	SL	Diện tích xây dựng (m ²)
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ	26	900	26	900
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.		20.280		20.280
1	Phòng hội trường	1	700	1	700
2	Phòng hội thảo	1	100	1	100

3	Phòng Truyền thống	1	200	1	200
4	Phòng nghỉ giảng viên	3	240	4	280
5	Phòng tự học của sinh viên	2	400	2	400
6	Thư viện	4	2.500	4	2.500
7	Ký túc xá	1	5.500	1	5.500
8	Văn phòng Đoàn, Phòng sinh hoạt Câu lạc bộ sinh viên	3	200	3	200
9	Sân, phòng tập thể thao	2	4.500	2	4.500
10	Nhà để xe	4	5.000	4	5.000
11	Căn tin Trường	1	400	1	400
12	Phòng giáo trình, photo, văn phòng phẩm	1	100	1	100
13	Khu vực sảnh chung	2	400	2	400
14	Khu vệ sinh, hành lang, cầu thang		1600		1600
15	Kho chứa phục vụ bảo trì, bảo dưỡng	4	400	4	400
III	Phòng học; phòng thí nghiệm; phòng học ngoại ngữ; xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm		20.080		20.080
1	Phòng học lý thuyết	80	9.396	76	8.838
2	Phòng, xưởng thực hành, thực tập	76	10.604	80	11.162
3	Phòng thí nghiệm	1	80	1	80
	TỔNG		41.260		41.260

Về tài chính:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên. Với các nguồn kinh phí được giao và các nguồn kinh khác, Trường đã thực hiện quản lý việc chi tiêu theo đúng quy định của Nhà nước.

Hiện nay, Trường đã và đang khai thác hiệu quả các nguồn thu từ hoạt động đào tạo các bậc Cao đẳng các ngành, nghề và các trung tâm đào tạo trong trường cùng các hoạt động hợp tác doanh nghiệp và quốc tế. Trường luôn chú trọng rà soát, điều chỉnh các chính sách tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển, có chính sách ưu tiên kinh phí cho các hoạt động phục vụ trực tiếp đào tạo, chủ động trong việc phân bổ và

sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính, có kế hoạch và quy định cụ thể cho việc sử dụng nguồn kinh phí tái đầu tư phát triển, phân bổ kinh phí có trọng tâm phục vụ cho chiến lược ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục.

2/ Nguồn thu nhà Trường cụ thể như sau;

BẢNG THỐNG KẾ NGUỒN THU NHÀ TRƯỜNG TRONG 3 NĂM

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
I. Nguồn thu		
<i>Ngân sách nhà nước cấp</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Thu học phí</i>	<i>151.866</i>	<i>152.384</i>
<i>ODA</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Nguồn khác</i>	<i>41.629</i>	<i>41.471</i>
2. Tổng quyết toán	193.495	193.855

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG CĐ KT CAO THẮNG

1. Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

Công tác tự đánh giá của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng được thực hiện trên cơ sở các văn bản sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2017 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Quyết định số 325/QĐ-CĐKTCT-ĐT ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024.

- Kế hoạch số 326/KH-CĐKTCT-ĐT ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng của trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng năm 2024.

1.2 Mục đích tự đánh giá

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng thực hiện tự đánh giá cấp trường nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giải trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, HSSV và xã hội về chất lượng của chương trình đào tạo của nhà trường.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện theo các yêu cầu: minh bạch, khách quan và trung thực, nhằm cải tiến chất lượng đào tạo và nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao.

Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường.

Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Trường thực hiện các phương pháp sau đây khi tiến hành công tác tự đánh giá:

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, minh chứng và đánh giá các hoạt động của Nhà trường theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, phỏng vấn, lấy ý kiến từ các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học, cựu HSSV và người sử dụng lao động.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

Trường thực hiện công tác tự đánh giá theo kế hoạch được đính kèm trong Phụ lục 2, cụ thể như sau:

- Xác định mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Tập huấn về tầm quan trọng của kiểm định CTĐT.

- Thu thập thông tin, minh chứng.

- Xử lý phân tích các thông tin, minh chứng thu thập được.

- Đánh giá mức độ đơn vị, trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá trường.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường.

- Làm việc với chuyên gia để đăng ký tự đánh giá.

- Làm việc với chuyên gia để hoàn thiện kế hoạch.

- Hội đồng tự đánh giá cấp trường, cấp khoa.

- Đăng ký đánh giá ngoài.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100	92 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	<i>trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường</i>		
	<i>Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định</i>	01	01 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	17 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.</i>	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	01	01 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	12 điểm
	Tiêu chuẩn 1 : Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 2 : Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 3 : Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 4 : Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5 : Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 6 : Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 7 : Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	<i>pháp giảng dạy.</i>		
	Tiêu chuẩn 8 : Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 9 : Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 10 : Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 11 : Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 12 : Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 13 : Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 14 : Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	01	01 điểm
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	14 điểm
	Tiêu chuẩn 1 : Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 2 : 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 3 : Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	<i>của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.</i>		
	Tiêu chuẩn 4 : <i>Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5 : <i>Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 6 : <i>Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định</i>	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 7 : <i>Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 8 : <i>Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 9 : <i>Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 10 : <i>Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 11 : <i>100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 12 : <i>Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng</i>	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	<i>mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.</i>		
	Tiêu chuẩn 13 : <i>Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 14 : <i>Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 15 : <i>Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định</i>	01	01 điểm
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	12 điểm
	Tiêu chuẩn 1: <i>Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 2: <i>Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.</i>	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 3: <i>Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.</i>	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 4: <i>Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của</i>	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	<i>nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.</i>		
	<i>Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.</i>	01	0 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.</i>	01	01 điểm
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	05	05 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.</i>	01	01 điểm
	<i>Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).</i>	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	01	01 điểm
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	06	06 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	01	01 điểm
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	09	08 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	01	0 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	01	01 điểm
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	06	06 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên	01	01 điểm

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.		
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	01	01 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	01	01 điểm